

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B T
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2025

V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B T, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Duy Suốt

2. Ông Lê Chánh Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Thi, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân quận B T, thành phố Cần Thơ.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B T, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 36/2025/ TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 140/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Tạ Thị Ngọc H**, sinh năm 1986; ĐKTT: số C, KV B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở: ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

* Bị đơn: Ông **Trương Minh T**, sinh năm 1982; nơi cư trú: số C, KV B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà **Tạ Thị Ngọc H** trình bày: bà và ông Trương Minh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận B, thành phố Cần Thơ ngày 04/12/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm các vấn đề trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau, không còn tìm được tiếng nói chung. Thời gian gần đây bà còn phát hiện ông T không chung thủy trong hôn nhân. Hiện nay ông bà đang sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn ông T. Ông bà

có 04 con chung tên [Trương Thị Kiều T1 \(nữ\)](#) sinh ngày 11/03/2003, [Trương Minh Đ \(nam\)](#) sinh ngày 11/6/2007; [Trương Minh S \(nam\)](#) và [Trương Thị Kiều N \(nữ\)](#) cùng sinh ngày 18/12/2012. Bà H yêu cầu nuôi con chung Kiều Nhung và không yêu cầu cấp dưỡng, giao con chung Minh S cho ông T nuôi dưỡng. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có.

Phía bị đơn ông Trương Minh T trình bày: Ông đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, và các văn bản tố tụng khác. Bà H yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông có 04 người con chung chung tên [Trương Thị Kiều T1 \(nữ\)](#) sinh ngày 11/03/2003, [Trương Minh Đ \(nam\)](#) sinh ngày 11/6/2007; [Trương Minh S \(nam\)](#) và [Trương Thị Kiều N \(nữ\)](#) cùng sinh ngày 18/12/2012. Con chung T1 và Đ đã trưởng thành. Hiện nay con chung N đang sống chung với bà H, con chung S đang chung sống với ông. Vì vậy ông T thống nhất giao cháu N cho bà H nuôi dưỡng, ông T yêu cầu nuôi cháu S và không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có. Do ông bận đi làm nên ông T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] [Bà Tạ Thị Ngọc H](#) và [ông Trương Minh T](#) xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận B, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148/2013, quyển số II, ngày 04/12/2013 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại quận B nên Tòa án nhân dân quận Bình Thủy thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Bà H và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông T theo quy định pháp luật.

[3] Xét mối quan hệ hôn nhân của bà H và ông T là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính khác biệt, ông bà không thể dung hòa được với nhau nên thường sinh phát sinh mâu thuẫn. Bà H và ông T đều thống nhất tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn và thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó,

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Tạ Thị Ngọc H và ông Trương Minh T.

[4] Về con chung: ông bà có 04 con chung tên Trương Thị Kiều T1 (nữ) sinh ngày 11/03/2003, Trương Minh Đ (nam) sinh ngày 11/6/2007; Trương Minh S (nam) và Trương Thị Kiều N (nữ) cùng sinh ngày 18/12/2012. Ông T và bà H thống nhất sau khi ly hôn, ông T sẽ nuôi cháu S còn bà H sẽ nuôi cháu N, bà H và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các con chung cũng thống nhất nên chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông T và bà H. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Tài sản chung: bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu. Bà H và ông T thống nhất không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tạ Thị Ngọc H đối với ông Trương Minh T.

- Về con chung: giao cháu Trương Thị Kiều N (nữ) sinh ngày 18/12/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trương Minh S (nam) sinh ngày 18/12/2012 cho ông Trương Minh T2 nuôi dưỡng. Bà H và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà H và ông T không ai được quyền ngăn cản

- Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

- *Nợ chung*: không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà H nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0001448 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- THA Q. Bình Thủy;
- **UBND xã/phường nơi ĐKKH**;
- Lưu HS (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thanh Thảo